Chi tiết mã HS 4301.60.00

Mã HS	4301.60.00
Mô tả hàng hóa	Da lông sống (kể cả đầu, đuôi, bàn chân và các mẩu hoặc các mảnh cắt khác, thích hợp cho việc thuộc da lông), trừ da sống trong nhóm 41.01, 41.02 hoặc 41.03 / - Của loài cáo, da nguyên con, có hoặc không có đầu, đuôi hoặc bàn chân
Đơn vị	kg/chiếc
Thời điểm tạo	08/11/2026 12:57:10
Phiên bản dữ liệu	2026.04.05 – BIEU THUE XNK 2026.04.05.xlsx
Trạng thái xác minh	Dữ liệu biểu thuế đối chiếu file nguồn; khuyến cáo/mapping là thông tin định hướng; điều kiện FTA chưa xác minh.
Liên kết	https://vietnamtariff.com/hs-code/43016000/

Thuế áp dụng năm 2026

Biểu thuế	Giá trị gốc	Thuế suất	Văn bản	hiệu lực	Nguồn
Thuế NK thông thường	5	5%	15/2023/QĐ-TTg	2023-07-15	BT2026!K6767
Thuế NK ưu đãi (MFN)	0	0%	26/2023/NĐ-CP	2023-07-15	BT2026!N6767
Thuế GTGT (VAT)	*/5/8/10	* / 5 / 8 / 10 (nhiều mức)	181/2025/NĐ-CP	2025-07-01	BT2026!Q6767
Thuế tiêu thụ đặc biệt		Không có dữ liệu			
Thuế bảo vệ môi trường		Không có dữ liệu			
Thuế xuất khẩu		Không có dữ liệu			
Thuế XK ưu đãi CPTPP		Không có dữ liệu			
Thuế XK ưu đãi EVFTA		Không có dữ liệu			
Thuế XK ưu đãi UKVFTA		Không có dữ liệu			

Thuế suất ưu đãi đặc biệt (FTA) – 2026

FTA	Giá trị gốc	Thuế suất	Căn cứ dữ liệu	Kỳ	Chứng từ xuất xứ	Văn bản	Trạng thái
AANZFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)	AANZ	121/2022/NĐ-CP	Thuế suất %

FTA	Giá trị gốc	Thuế suất	Căn cứ dữ liệu	Kỳ	Chứng từ xuất xứ	Văn bản	Trạng thái
ACFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)	E	118/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
AHKFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	AHK	123/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
AIFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	01/01/2026 - 31/12/2026	AI	122/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
AJCEP	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	01/4/2026 - 31/3/2027	AJ	120/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
AKFTA	0(-LA)	0% (trừ LA)	Biểu tổng hợp BT2026	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)	AK	119/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
ATIGA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	D	126/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
CPTPP	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	(VI)	CPTPP	115/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
EVFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	EUR.1	116/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục A)	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục B)	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục C)	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục D)	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục E)	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục F)	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
UKVFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	EUR.1	117/2022/NĐ-CP	Thuế suất %

FTA	Giá trị gốc	Thuế suất	Căn cứ dữ liệu	Kỳ	Chứng từ xuất xứ	Văn bản	Trạng thái
VCFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	VC	112/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
VJEPA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	01/4/2026 - 31/3/2027	JV · Form VJ	124/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
VKFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	VK	125/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
VN-EAEU	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	EAV	113/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
VN-LAO	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026		S	206/2025/NĐ-CP	Thuế suất %
VIFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	Form VI (verify)	131/2024/NĐ-CP	Thuế suất %
VN-CAM		Không có dữ liệu	Không có dữ liệu		S	56/2026/NĐ-CP	Không có dữ liệu
VNCU		Không có dữ liệu	Không có dữ liệu		VNCB · Form VC (Cuba)	114/2022/NĐ-CP	Không có dữ liệu

Lịch sử / lộ trình thuế suất theo năm

FTA	Kỳ	Năm	Giá trị gốc	Nguồn
ACFTA	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)		0	AC!E6549
ATIGA	2022	2022	0	AT!E6504
ATIGA	2023	2023	0	AT!F6504
ATIGA	2024	2024	0	AT!G6504
ATIGA	2025	2025	0	AT!H6504
ATIGA	2026	2026	0	AT!I6504
ATIGA	2027	2027	0	AT!J6504
AJCEP	30/12/2022 - 31/3/2023	2022	0	AJ!E6554
AJCEP	01/4/2023 - 31/3/2024	2023	0	AJ!F6554

FTA	Kỳ	Năm	Giá trị gốc	Nguồn
AJCEP	01/4/2024 - 31/3/2025	2024	0	AJ!G6554
AJCEP	01/4/2025 - 31/3/2026	2025	0	AJ!H6554
AJCEP	01/4/2026 - 31/3/2027	2026	0	AJ!I6554
AJCEP	01/4/2027 - 31/3/2028	2027	0	AJ!J6554
VJEPA	30/12/2022 - 31/3/2023	2022	0	VJ!E6554
VJEPA	01/4/2023 - 31/3/2024	2023	0	VJ!F6554
VJEPA	01/4/2024 - 31/3/2025	2024	0	VJ!G6554
VJEPA	01/4/2025 - 31/3/2026	2025	0	VJ!H6554
VJEPA	01/4/2026 - 31/3/2027	2026	0	VJ!I6554
VJEPA	01/4/2027 - 31/3/2028	2027	0	VJ!J6554
AKFTA	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)		0	AK!F6556
AANZFTA	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)		0	AANZ!H6510
AIFTA	30/12/2022	2022	0	AI!F6512
AIFTA	31/12/2022 - 30/12/2023	2023	0	AI!G6512
AIFTA	31/12/2023 - 30/12/2024	2024	0	AI!H6512
AIFTA	31/12/2024 - 31/12/2025	2025	0	AI!I6512
AIFTA	01/01/2026 - 31/12/2026	2026	0	AI!J6512
AIFTA	01/01/2027 - 31/12/2027	2027	0	AI!K6512
VKFTA	2022	2022	0	VK!E6532
VKFTA	2023	2023	0	VK!F6532
VKFTA	2024	2024	0	VK!G6532
VKFTA	2025	2025	0	VK!H6532
VKFTA	2026	2026	0	VK!I6532
VKFTA	2027	2027	0	VK!J6532
VCFTA	2022	2022	0	VC!D6585
VCFTA	2023	2023	0	VC!E6585

FTA	Kỳ	Năm	Giá trị gốc	Nguồn
VCFTA	2024	2024	0	VC!F6585
VCFTA	2025	2025	0	VC!G6585
VCFTA	2026	2026	0	VC!H6585
VCFTA	2027	2027	0	VC!I6585
VN-EAEU	2022	2022	0	EAV!D6567
VN-EAEU	2023	2023	0	EAV!E6567
VN-EAEU	2024	2024	0	EAV!F6567
VN-EAEU	2025	2025	0	EAV!G6567
VN-EAEU	2026	2026	0	EAV!H6567
VN-EAEU	2027	2027	0	EAV!I6567
AHKFTA	2022	2022	0	AKH!D6575
AHKFTA	2023	2023	0	AKH!E6575
AHKFTA	2024	2024	0	AKH!F6575
AHKFTA	2025	2025	0	AKH!G6575
AHKFTA	2026	2026	0	AKH!H6575
AHKFTA	2027	2027	0	AKH!I6575
EVFTA	2022	2022	0	EV-NK!D6568
EVFTA	2023	2023	0	EV-NK!E6568
EVFTA	2024	2024	0	EV-NK!F6568
EVFTA	2025	2025	0	EV-NK!G6568
EVFTA	2026	2026	0	EV-NK!H6568
EVFTA	2027	2027	0	EV-NK!I6568
UKVFTA	2022	2022	0	UKV!D6570
UKVFTA	2023	2023	0	UKV!E6570
UKVFTA	2024	2024	0	UKV!F6570
UKVFTA	2025	2025	0	UKV!G6570

FTA	Kỳ	Năm	Giá trị gốc	Nguồn
UKVFTA	2026	2026	0	UKV!H6570
UKVFTA	2027	2027	0	UKV!I6570
CPTPP	(I)	2021 (DERIVED)	0	CPTPP!D6534
CPTPP	(II)	2022 (DERIVED)	0	CPTPP!E6534
CPTPP	(III)	2023 (DERIVED)	0	CPTPP!F6534
CPTPP	(IV)	2024 (DERIVED)	0	CPTPP!G6534
CPTPP	(V)	2025 (DERIVED)	0	CPTPP!H6534
CPTPP	(VI)	2026 (DERIVED)	0	CPTPP!I6534
CPTPP	(VII)	2027 (DERIVED)	0	CPTPP!J6534
RCEP A	2022	2022	0	RCEPT-A!D6569
RCEP A	2023	2023	0	RCEPT-A!E6569
RCEP A	2024	2024	0	RCEPT-A!F6569
RCEP A	2025	2025	0	RCEPT-A!G6569
RCEP A	2026	2026	0	RCEPT-A!H6569
RCEP A	2027	2027	0	RCEPT-A!I6569
RCEP B	2022	2022	0	B!D6569
RCEP B	2023	2023	0	B!E6569
RCEP B	2024	2024	0	B!F6569
RCEP B	2025	2025	0	B!G6569
RCEP B	2026	2026	0	B!H6569
RCEP B	2027	2027	0	B!I6569
RCEP C	2022	2022	0	C!D6569
RCEP C	2023	2023	0	C!E6569
RCEP C	2024	2024	0	C!F6569
RCEP C	2025	2025	0	C!G6569
RCEP C	2026	2026	0	C!H6569

FTA	Kỳ	Năm	Giá trị gốc	Nguồn
RCEP C	2027	2027	0	C!I6569
RCEP D	2022	2022	0	D!D6569
RCEP D	2023	2023	0	D!E6569
RCEP D	2024	2024	0	D!F6569
RCEP D	2025	2025	0	D!G6569
RCEP D	2026	2026	0	D!H6569
RCEP D	2027	2027	0	D!I6569
RCEP E	2022	2022	0	E!D6572
RCEP E	2023	2023	0	E!E6572
RCEP E	2024	2024	0	E!F6572
RCEP E	2025	2025	0	E!G6572
RCEP E	2026	2026	0	E!H6572
RCEP E	2027	2027	0	E!I6572
RCEP F	2022	2022	0	F!D6569
RCEP F	2023	2023	0	F!E6569
RCEP F	2024	2024	0	F!F6569
RCEP F	2025	2025	0	F!G6569
RCEP F	2026	2026	0	F!H6569
RCEP F	2027	2027	0	F!I6569
VIFTA	2024	2024	0	VI!F6067
VIFTA	2025	2025	0	VI!G6067
VIFTA	2026	2026	0	VI!H6067
VIFTA	2027	2027	0	VI!I6067

Khuyến cáo & cảnh báo

Mã rủi ro	Mức	Tên rủi ro	Mô tả	Dữ liệu liên quan	Căn cứ pháp lý	Khuyến nghị	Trạng thái xác minh
DOC-003	YELLOW	Kiểm dịch	Chính sách mặt hàng: Động vật, sản phẩm động vật trên cạn phải kiểm dịch (01/2024/TT-BNNPTNT M1)		01/2024/TT-BNNPTNT	Đăng ký kiểm dịch động/thực vật theo quy định.	Văn bản dẫn chiếu trong file nguồn; chưa xác minh hiệu lực
OR-001	YELLOW	Chưa có nước xuất xứ	Chưa thể đánh giá FTA khi chưa có nước xuất xứ.			Nhập nước xuất xứ để so sánh các biểu thuế ưu đãi đặc biệt.	Chưa xác minh – cần kiểm tra
TAX-001	YELLOW	Nhiều mức thuế GTGT	Cột VAT ghi “*/5/8/10”.		181/2025/NĐ-CP	Xác định mức VAT theo bản chất hàng hóa và quy định giảm thuế (174/2025/NĐ-CP, Phụ lục I/II).	Chưa xác minh – cần kiểm tra
TR-004	GRAY	Not Assessed – Additional Regulatory Verification Required	File nguồn không ghi nhận biện pháp phòng vệ thương mại cho mã 4301.60.00. Điều này KHÔNG có nghĩa là không có rủi ro.			Kiểm tra cơ sở dữ liệu phòng vệ thương mại của Bộ Công Thương (Cục Phòng vệ thương mại).	Chưa xác minh – cần kiểm tra
DQ-001	GREEN	Thuế MFN có trong biểu nguồn	Thuế suất MFN 0% của mã 4301.60.00 được đối chiếu với BT2026 (ô BT2026!N6767), căn cứ 26/2023/NĐ-CP.		26/2023/NĐ-CP	Phạm vi xác minh: đối chiếu với file nguồn phiên bản 2026.04.05, không thay thế văn bản pháp luật.	Đã đối chiếu với file biểu thuế nguồn

Chính sách mặt hàng

Chính sách mặt hàng
Động vật, sản phẩm động vật trên cạn phải kiểm dịch (01/2024/TT-BNNPTNT M1)

Báo cáo mang tính tham khảo, được tạo tự động từ dữ liệu biểu thuế nguồn và quy tắc khuyến cáo. Đây không phải quyết định của cơ quan hải quan, không xác nhận mã HS, điều kiện hưởng FTA hay hiệu lực pháp lý. Người dùng chịu trách nhiệm đối chiếu văn bản pháp luật hiện hành.